

Bản án số: 36/2023/HS-ST

Ngày: 17-7-2023

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Dương Văn Tính.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện tại: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (chết) và con bà Lê Thị H (chết); Có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/9/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 07 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” chấp hành xong ngày 19/5/2006, đã xóa án tích; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Trần Ngọc V, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người tham gia tố tụng khác:** Người làm chứng: Nguyễn Thị H1,

Nguyễn Thị H2 (có mặt), Nguyễn Văn M, Huỳnh Văn S, Ngô Văn N, Nguyễn Thị P, Võ Thị Bích L, Dương Văn Minh E, Trần Thị Bé T1, Trần Quốc T2, Lê Trí L1, Phan Thanh T3, Lê Văn G, Võ Văn B1, Trần Thanh L2, Nguyễn Văn D, Lê Văn D1, Trần Văn L3, Võ Văn C1, Trương Văn N1, Huỳnh Thị X, Bùi Văn L4 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/11/2022, anh Trần Ngọc V đến Công an xã T A trình báo công trình kê kê Thường Phước 1 tại ấp C, xã T, huyện H do anh làm chủ thầu từ tháng 3/2021 bị mất trộm nhiều tài sản gồm 05 (năm) cây kim loại sắt hộp có chiều dài 6m, kích thước 5x10 cm (được hàn kẹp thêm cây sắt hộp có chiều dài 6m, kích thước 2x2cm); 01 (một) cây kim loại sắt hộp có chiều dài 6m, kích thước 6x12cm; 05 (năm) khuôn kim loại hình lục giác, mỗi khuôn trọng lượng 3kg; 01 (một) máy động cơ xăng màu xám đặt trong vỏ nhựa màu vàng, hình dáng như chiếc thuyền; 01 (một) máy động cơ xăng nhãn hiệu OHV bình xăng màu trắng, có dòng chữ KAITO, động cơ có gắn hai bánh xe; 01 (một) máy động cơ xăng màu cam nhãn hiệu TAKANO, công suất 5.5 HP, có gắn động cơ nén khí, tất cả đã qua sử dụng. Đồng thời đến 16 giờ 40 phút cùng ngày 16/11/2022, anh Nguyễn Minh T là người trực tiếp quản lý công trình kê kê nêu trên trình báo Công an xã T từ tháng 02/2022 đến tháng 10/2022 bị mất trộm các tài sản 50 vĩ sắt, mỗi vĩ được kết nối bởi 18 thanh sắt dài 4,4m với 23 thanh sắt dài 3,4m thành hình chữ nhật dài 4,4m, ngang 3,4m, tất cả là loại sắt phi 10 của V; 100 cây thép phi 10 dài 11,7m của Việt M1; Sắt phi 10 được cắt thành từng đoạn có chiều dài từ 1m đến 3m; 100 cây thép phi 16, dài 11,7m của Việt M1. Trong quá trình tìm kiếm, anh V phát hiện trong nhà của Nguyễn Văn C, cư trú ấp B, xã T chứa nhiều tài sản có nhiều đặc điểm tương tự như anh V bị mất. Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã T chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 01/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận:

- 05 (năm) khuôn kim loại hình lục giác, trọng lượng 15 kg, đã qua sử dụng, trị giá: 105.000 đồng;
- 04 (bốn) vĩ sắt đồ đường kích thước 3,4 x 4,4m, trọng lượng 392 kg, loại sắt phi 10, trị giá: 2.744.000 đồng;
- 01 (một) máy động cơ xăng màu xám đặt trong một vỏ nhựa màu vàng, hình dáng như chiếc thuyền, đã qua sử dụng, trị giá: 550.000 đồng;
- 01 (một) máy động cơ xăng nhãn hiệu OHV bình xăng màu trắng, có dòng chữ KAITO, số máy: KAITQ 150915, động cơ có gắn hai bánh xe, đã qua sử dụng, trị giá 500.000 đồng;

- 01 (một) máy động cơ xăng màu cam nhãn hiệu TAKANO, công suất 5.5HP, số máy: GC 180106679, có gắn động cơ nén khí, đã qua sử dụng, trị giá: 550.000 đồng.

Tổng trị giá: 4.449.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 10/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận:

- 04 (bốn) cây kim loại (sắt hộp), có chiều dài 06m, kích thước 5x10cm, trọng lượng 82 kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 574.000 đồng;

- 03 (ba) cây kim loại (sắt hộp) trong đó mỗi cây gồm có 03 cây kim loại sắt hộp được hàn dính nhau có chiều dài 06m, kích thước 5x25cm, trọng lượng 141 kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 987.000 đồng;

- 01 (một) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 06m, kích thước 5x5 cm trọng lượng 10kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 70.000 đồng;

- 02 (hai) cây kích đội bằng kim loại, màu đỏ loại 05 tấn (đã qua sử dụng). Trị giá: 500.000 đồng;

- 03 (ba) bá lan bằng kim loại (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.500.000 đồng;

- 01 (một) máy hàn điện màu xanh, nhãn hiệu WELDCOM (đã qua sử dụng). Trị giá: 450.000 đồng;

- 01 (một) mô tơ chạy nước màu xanh, Công suất 0.5 HP (đã qua sử dụng). Trị giá: 250.000 đồng;

- 01 (một) mô tơ chạy nước màu đỏ, Công suất 0.5HP (đã qua sử dụng). Trị giá: 250.000 đồng;

- 01 (một) đầu máy xịt thuốc, hiệu OHV, màu đỏ (đã qua sử dụng). Trị giá: 300.000 đồng;

- 01 (một) đầu máy động cơ xăng, hiệu OHV, bình xăng nhãn hiệu PONA, công suất 5.5 (đã qua sử dụng). Trị giá: 300.000 đồng;

- 01 (một) đầu máy động cơ xăng, nhãn hiệu OHV, công suất 5.5 HP, không có bình xăng (đã qua sử dụng). Trị giá: 300.000 đồng;

- 02 (hai) bình ắc quy nhãn hiệu DongNai, loại 50 ampe (đã qua sử dụng). Trị giá: 200.000 đồng;

- 01 (một) dây gió hàn vỏ bằng nhựa, màu xanh, đỏ, chiều dài 10m16 (đã qua sử dụng). Trị giá: 71.000 đồng;

- 01 (một) bình hàn giỏ đá màu xanh (đã qua sử dụng). Trị giá: 450.000 đồng;

- 08 (tám) máy khoan điện cơ các loại (đã qua sử dụng). Trị giá: 400.000 đồng;

- 05 (năm) máy cắt điện cơ các loại (đã qua sử dụng). Trị giá: 250.000 đồng;

- 04 (bốn) máy bơm điện các loại (đã qua sử dụng). Trị giá: 200.000 đồng.
- 03 (Ba) máy cưa động cơ xăng (đã qua sử dụng). Trị giá: 150.000 đồng.
- 01 (một) mô tơ Công suất 2.5 HP (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.500.000 đồng.
- Dầu được đựng trong 17 can nhựa loại 30 lít trọng lượng 407,5 kg. Giá trị làm tròn: 12.036.000 đồng. (Trong đó: $407,5 \text{ kg} = 468,217 \text{ lít} \times 24.980 \text{ đồng/lít} = 11.696.000 \text{ đồng}$; 17 can nhựa loại 30 lít $\times 20.000 \text{ đồng} = 340.000 \text{ đồng}$).
- Dầu được đựng trong thùng nhựa màu xanh loại 220 lít trọng lượng 177 kg. Giá trị làm tròn: 5.280.000 đồng (Trong đó: $177 \text{ kg} = 203,373 \text{ lít} \times 24.980 \text{ đồng/lít} = 5.080.257 \text{ đồng}$; Thùng nhựa màu xanh loại 220 lít: 200.000 đồng).
- 05 (năm) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 6 mét, kích thước 5x10 cm (đã qua sử dụng). Trị giá: 677.000 đồng. Trong đó 01 cây sắt hộp kích thước 5x10 cm có trọng lượng 19,344kg/6m.
- 05 (năm) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 6 mét, kích thước 5x10 cm, được hàn kẹp thêm cây sắt hộp có chiều dài 6 mét, kích thước 2x2 cm (đã qua sử dụng), trọng lượng 102,5 kg. Trị giá: 717.500 đồng.
- 01 (một) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 6 mét, kích thước 6x12 cm, trọng lượng 21,5 kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 150.500 đồng.
- 04 (bốn) tấm nẹp có chiều dài 3,4 mét, rộng 5 cm, dày 0,8 cm, hai đầu có hàn sắt phi 10 (đã qua sử dụng). Trị giá: 58.738 đồng.
- 01 (một) máy bơm chìm công suất 2 HP, màu xanh không nhớ nhãn hiệu (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.500.000 đồng.
- Sắt phi 10 được cắt thành từng đoạn, có trọng lượng 157 kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.099.000 đồng.
- 02 (hai) cây kim loại (sắt hộp) trong đó mỗi cây gồm 03 cây kim loại (sắt hộp) được hàn dính có chiều dài 6 mét, kích thước 5x25 cm, có trọng lượng 94 kg (đã qua sử dụng). Trị giá: 658.000 đồng.
- 100 (một trăm) cây thép phi 10 dài 11,7m của V (đã qua sử dụng). Trị giá: 5.053.000 đồng (trong đó: 01 cây thép phi 10 dài 11,7m có trọng lượng là: 7,219 kg).
- 100 (một trăm) cây thép phi 16 dài 11,7m của V (đã qua sử dụng). Trị giá: 12.940.000 đồng (trong đó: 01 cây thép phi 16 dài 11,7m có trọng lượng là: 18,486 kg).

Tổng trị giá: 48.871.738 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận vào ngày 06-11-2022, bị cáo sử dụng xuống gồ bơi đến Công trình xã T 1 lấy trộm 05 khuôn kim loại hình lục giác cất giấu trước nhà chỗ gốc cây chằm; 04 vĩ sắt đồ đường đim

xuồng nước dưới sông. Tiếp tục, ngày 07-11-2022, bị cáo bơi xuồng lấy trộm thêm 01 máy bơm màu xám được đặt trong vỏ nhựa màu vàng có hình dáng như chiếc thuyền, loại máy bơm 2 thì; 01 đầu máy động cơ xăng màu trắng nhãn hiệu OHV, bình xăng nhãn hiệu KAITO, có gắn bánh xe kéo; 01 máy động cơ xăng màu cam, công suất 5.5HP, có gắn 01 động cơ nén khí, tất cả đã qua sử dụng, cất giấu trong buồng tại nhà bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, kết luận định giá tài sản, biên bản đối chất, biên bản xác định tài sản bị mất trộm, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 05 (năm) khuôn kim loại hình lục giác, mỗi khuôn trọng lượng 03 kg; 01 (một) máy động cơ xăng màu xám đặt trong một vỏ nhựa màu vàng, hình dáng như chiếc thuyền; 01 (một) máy động cơ xăng nhãn hiệu OHV bình xăng màu trắng, có dòng chữ KAITO, số máy: KAITQ 150915, động cơ có gắn hai bánh xe; 01 (một) máy động cơ xăng màu cam nhãn hiệu TAKANO, công suất 5.5HP, số máy: GC 180106679, có gắn động cơ nén khí; 05 (năm) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 6 mét, kích thước 5x10 cm, được hàn kẹp thêm cây sắt hộp có chiều dài 6 mét, kích thước 2x2 cm, trọng lượng 102,5kg, được thu giữ dưới sông phía trước nhà C; 01 (một) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 06 mét, kích thước 06x12 cm, trọng lượng 21,5 kg, được thu giữ dưới sông phía trước nhà C, tất cả đã qua sử dụng. Đây là các tài sản sở hữu hợp pháp của anh Trần Ngọc V.

- 02 (hai) vĩ sắt đồ đường kích thước 3,4mx4,4m, loại sắt phi 10, trọng lượng 196 kg; Sắt phi 10 được cắt thành từng đoạn, trọng lượng 157 kg, đã qua sử dụng, được thu giữ tại mé sông phía trên nhà C. Đây là các tài sản sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Minh T.

- 02 (hai) cây kim loại (sắt hộp) trong đó mỗi cây gồm 03 cây kim loại sắt hộp được hàn dính có chiều dài 06 mét, kích thước 5x25 cm, có trọng lượng 94 kg, đã qua sử dụng, được thu giữ tại mé sông phía trên nhà C. Là tài sản của anh Lê Văn D1.

- 01 (một) đầu máy xịt thuốc, hiệu OHV, màu đỏ, đã qua sử dụng. Là tài sản sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị H2.

- 04 (bốn) cây kim loại (sắt hộp), có chiều dài 06 mét, kích thước 5x10 cm, trọng lượng 82 kg; 03 (ba) cây kim loại (sắt hộp) trong đó mỗi cây gồm có 03 cây kim loại (sắt hộp) được hàn dính nhau có chiều dài 06 mét, kích thước 5x25 cm, trọng lượng 141 kg; 01 (một) cây kim loại (sắt hộp) có chiều dài 06 mét, kích thước 5x5 cm trọng lượng 10 kg; 02 (hai) khuôn kim loại hình lục giác; 02 (hai) cây kích đội bằng kim loại, màu đỏ; 03 (ba) bả lan bằng kim loại; 01 (một) dây gió hàn vỏ bằng nhựa, màu xanh đỏ chiều dài 10m16; 01 (một) bình hàn giỏ đá màu xanh; 01 (một) máy hàn điện màu xanh, nhãn hiệu

WELDCOM; 01 (một) mô tơ chạy nước màu xanh, công suất 0.5 HP; 01 (một) mô tơ chạy nước màu đỏ, công suất 0.5 HP; 01 (một) đầu máy động cơ xăng, hiệu OHV, bình xăng nhãn hiệu PONA công suất 5.5HP; 01 (một) đầu máy động cơ xăng, nhãn hiệu OHV, công suất 5.5 HP, không có bình xăng; 02 (hai) bình ắc quy loại 50 ampe; 08 (tám) máy khoan điện các loại; 05 (năm) máy cắt điện cơ các loại; 04 (bốn) máy bào điện các loại, đã qua sử dụng; 03 (ba) máy cưa động cơ xăng; 01 (một) mô tơ công suất 2.5HP, tất cả đã qua sử dụng; Dầu 407,5 kg được đựng trong 17 can nhựa, loại 30 lít; Dầu 117 kg được đựng trong 01 thùng nhựa màu xanh loại 220 lít. Trong quá trình điều tra là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn C dùng vào mục đích làm ruộng, làm thuê, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh V, anh T, anh D1, chị H2, bị cáo C.

- Đối với 02 (hai) vĩ sắt đồ đường kích thước 3,4m x 4,4m, loại sắt phi 10, bị cáo C lấy trộm cất giấu dưới mé kênh chìm trong nước trước cửa nhà C, không thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm, nhưng không tìm được.

- 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ tạp, chiều dài 6m, là tài sản của bị cáo C dùng làm phương tiện vận chuyển các tài sản bị cáo lấy trộm, đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ, có lập biên bản và chụp ảnh tình trạng chiếc xuồng.

Trong quá trình điều tra các bị hại Trần Ngọc V và Nguyễn Minh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự (vì đã nhận lại tài sản bị mất) và trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại Trần Ngọc V và Nguyễn Minh T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn C.

Tại Cáo trạng truy tố số 31/CT-VKSHN ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong.

Về hình phạt bổ sung Kiểm sát viên không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn M (được anh Trần Ngọc V giao quản lý tài sản của công trình) cho bị cáo C sắt phi 10 được cắt thành từng đoạn, trọng lượng 157kg, quá trình điều tra chứng minh được M cho C, xét thấy đây là tài sản sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Minh T, M không hỏi ý kiến của anh T trước khi cho C, có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên trị giá tài sản là 1.099.000 đồng, do đó không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với lời khai những người làm chứng Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị H1 có nhìn thấy bị cáo C và Dương Văn Minh E (con rể của bị cáo C) dùng tắc

ráng chở các vĩ sắt về đồ ở dưới mé sông gần nhà bị cáo C. Nhưng những người làm chứng không biết những vĩ sắt là của ai và mà từ đâu bị cáo C có. Riêng ngày 06-11-2022 và ngày 07-11-2022 thì không nhìn thấy việc bị cáo C lấy trộm tài sản của công trình đê kè. Chỉ có lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị H1, không còn chứng cứ nào khác. Nên bị cáo C đi cùng với Dương Văn M2 Em và dùng tắc ráng làm phương tiện trộm cắp tài sản của công trình đê kè, chưa đủ cơ sở để xử lý đối với Dương Văn Minh E và chiếc tắc ráng.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết ăn năn, hối hận, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với xã hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi trộm cắp tài sản của các anh Trần Ngọc V và Nguyễn Minh T. Lần trộm ngày 06-11-2022, giá trị tài sản là 2.849.000 đồng (đã đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự), tiếp tục ngày 07-11-2022 bị cáo trộm giá trị tài sản là 1.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm là 4.449.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về nhân thân: Ngày 15/9/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 07 tháng tù về “Cố ý gây thương tích” chấp hành xong ngày 19/5/2006, đã xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng, được các bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo làm thuê, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Về vật chứng: Đã xử lý xong, phù hợp nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập đến, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị H1 trình bày có thấy bị cáo cùng với Dương Văn M2 Em là con rể bị cáo cùng đi trộm nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể (khoảng tháng 5-6/2022), còn ngày 06-11-2022 và 07-11-2022 thì chị H1 và chị H2 không biết. Qua các biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh Minh E trình bày thường xuyên đi làm thuê (giữ hầm, giữ cổng) ít khi về nhà nên không biết việc bị cáo C trộm và không có trộm cùng với bị cáo C, điều này bị cáo C cũng thừa nhận chỉ trộm một mình là phù hợp.

Về phương tiện phạm tội, tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị H1 trình bày cho rằng bị cáo sử dụng chiếc tắc rắng có gắn động cơ để trộm chứ không phải chiếc xuống gỗ (do đã bị hư hỏng), về thời gian cũng

không nhớ chính xác việc bị cáo trộm, xét thấy trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện bị cáo C phạm tội không có bắt quả tang, qua truy xét lời khai thì bị cáo trình bày sử dụng chiếc xuồng gỗ đi trộm vào các ngày 06, 07 tháng 11 năm 2022, mặc dù chiếc xuồng gỗ có hư hỏng nhưng vẫn còn sử dụng được, là có căn cứ và phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 7 năm 2023). Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình